



Phụ lục 17
(Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT
ngày 28/6/2010 của Bộ CôngThương)
CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)		
POTASSIUM HYDROXIDE			
Số CAS: 1310-58-3 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	 		
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Kali Hydroxit	Mã sản phẩm nếu có		
- Tên thương mại: Potassium Hydroxide			
- Tên khác (không là tên khoa học):	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn 30/17 Đường HT 31, KP 1, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM ĐT: 08.6683.3399 Fax: 08.6250.7935		
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:			
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:			
- Mục đích sử dụng: dùng để sản xuất các hợp chất có chứa Kali như K ₂ CO ₃ và các hợp chất khác, sản xuất các chất tẩy trắng, xà phòng lỏng, sản xuất phân bón, hóa chất nông nghiệp, pin alkaline và thuốc nhuộm.			
PHẦN II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Kali Hydroxit	1310-58-3	KOH	90 - 95%
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT			
<p>1. Ảnh hưởng Sức khỏe Cấp tính Tiềm ẩn: Rủi ro cao trong các trường hợp tiếp xúc với Da, với Mắt (gây bỏng rát, ăn mòn) hoặc nuốt phải, hít phải. Một số mô đáng kể bị nguy hại tùy thuộc thời gian tiếp xúc dài ngắn. Tiếp xúc mắt có thể gây ra màng sừng hoặc gây mù. Tiếp xúc da có thể gây bỏng nặng. Hít phải bụi sẽ dẫn đến bỏng thực quản hoặc hệ hô hấp, biểu hiện bằng nóng, hắt hơi, và ho. Nặng hơn có thể gây ra rối phổi, tắc thở, bất tỉnh hoặc tử vong. Bỏng mắt biểu hiện bằng việc xung đỏ, chảy nước, ngứa. Bỏng da biểu hiện bằng ngứa, tróc vảy, tẩy đỏ, đôi khi nặng hơn.</p> <p>2. Ảnh hưởng sức khỏe mãn tính tiềm ẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng gây ung thư: Không - Ảnh hưởng gây biến đổi gen: Không - Ảnh hưởng gây quái thai: Không - Độc tố phát sinh: Không <p>3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường mắt : gây độc cho mắt - Đường thở : có thể gây bỏng đường hô hấp 			

- Đường da : gây độc cho da.
- Đường tiêu hóa: có thể gây hại cho đường tiêu hóa.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, ngay lập tức rửa mắt bằng nhiều nước sạch trong thời gian ít nhất 15 phút. Tìm đến chăm sóc y tế.
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Trong trường hợp hóa chất dính vào da, ngay lập tức rửa da bằng nhiều nước. Thoa thuốc làm dịu lên vùng da bị rát. Cởi bỏ quần áo và giày bị dính bẩn. Giặt sạch quần áo và giày trước khi dùng lại. Áp dụng các chăm sóc y tế.
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Nếu hít phải, hãy chuyển đến nơi không khí trong lành. Nếu ngưng thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu khó thở hãy dùng bình oxy. Áp dụng các chăm sóc y tế.
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất):** Đừng cố làm ói, nôn trừ khi nhân viên y tế yêu cầu làm như vậy. Không được đưa bất kỳ vật gì vào miệng người đang bất tỉnh. Nếu nuốt phải 1 lượng lớn hóa chất hãy gọi thầy thuốc ngay. Nới lỏng quần áo chặt (cổ áo, cà vạt, dây lưng hoặc cạp quần).
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** Điều trị theo triệu chứng.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Không phải là chất dễ cháy.
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** không có thông tin
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...): không có thông tin
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác:** Không có thông tin.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy:** mặc đầy đủ quần áo bảo hộ và thiết bị thở bình hơi.
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có):**

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- 1. Với lượng rò rỉ nhỏ:** Dùng các dụng cụ thích hợp để gom các chất rắn rò rỉ vào một thùng chứa chất thải thích hợp. Nếu cần trung hòa phần dư bằng axit acetic loãng.
- 2. Với lượng rò rỉ lớn:**
 - Là chất rắn ăn mòn.
 - Bịt ngay lỗ rò nếu không sẽ nguy hiểm. Đừng cho nước vào thùng chứa. Đừng chạm vào hóa chất chảy ra. Dùng nước xịt xương để giảm hơi.
 - Ngăn không cho chảy vào cống rãnh, hầm ngầm, hoặc khu vực cấm, đào rãnh nếu cần.
 - Báo cho nhà nước chức trách về chất thải. Trung hòa phần dư bằng acid acetic loãng.
 - Kết thúc việc làm sạch bằng cách xịt nước lên bề mặt bị nhiễm bẩn và tính toán để sơ tán các hệ thống vệ sinh.

VII. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- 1. Phòng ngừa:**
 - Giữ thùng chứa khô. Đừng nuốt. Đừng hít bụi. Không bao giờ cho nước vào sản phẩm. Trong trường hợp sự thông gió không đảm bảo hãy mang thiết bị hô hấp thích hợp.
 - Nếu nuốt phải, hãy yêu cầu trợ giúp y tế ngay và chỉ rõ thùng chứa hay nhãn mác. Tránh tiếp xúc với mắt và da.
 - Để xa các chất xung khắc như: chất hữu cơ, kim loại, axit, khí ẩm.
- 2. Bảo quản:** Hãy giữ thùng chứa kín hoàn toàn. Giữ thùng chứa ở nơi khô ráo thoáng mát. Không lưu kho vượt quá nhiệt độ 24°C (75.2°F)

III. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**1. Kiểm soát kỹ thuật:**

- Dùng hàng rào tiêu chuẩn, hệ thống hút gió cục bộ hoặc các biện pháp kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí dưới giới hạn phân tán được đề ra.
- Nếu quá trình sử dụng phát sinh ra bụi, khói, sương mù hãy dùng hệ thống thông gió giữ cho sự phân tán các chất gây ô nhiễm vào không khí dưới mức cho phép.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt : Mang kính bảo hộ thích hợp
- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp (kính mắt, áo choàng, khẩu trang,...)
- Bảo vệ tay : Bao tay/ găng tay dài chống hóa chất.
- Bảo vệ chân: mang ủng hoặc giày bảo hộ

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...):** bồn rửa mặt và vòi tắm**IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT**

Trạng thái vật lý: chất rắn	Điểm sôi (⁰ C): không có sẵn
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (⁰ C): không có sẵn
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (⁰ C) (Flash point) theo phương pháp xác định: không có sẵn
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Nhiệt độ tự cháy (⁰ C): không có sẵn
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có sẵn	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ hòa tan trong nước: tan dễ dàng trong nước lạnh và nước nóng. Không tan trong diethyl ether	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không có sẵn
Độ PH (1% soln/water): 12	Tỷ lệ hóa hơi: không có sẵn
Trọng lượng riêng: (water = 1)	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Sản phẩm rất ổn định. Không ổn định trong điều kiện các chất xung khắc, phát sinh bụi, phát tán không khí ẩm hoặc nước.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy :
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh): khi tiếp xúc với nhôm, đồng thau, kẽm, thép 304.
- Các chất (có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): phản ứng mạnh với các axit.
- Phản ứng trùng hợp : sẽ không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Thành phần				
Thành phần 2 (nếu có)				
Thành phần 3 (nếu có)				



1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...):

- Không phải là chất gây ung thư.
- Có thể nguy hại cho các cơ qua sau: Hệ hô hấp trên da, da, mắt.

2. Các ảnh hưởng độc khác:

- Rủi ro nghiêm trọng khi hít phải (rễ phổi).
- Rủi ro nghiêm trọng khi tiếp xúc với da (ăn mòn, bỏng rát).
- Tiếp xúc với mắt (ăn mòn)
- Nuốt phải
- Lưu ý đặc biệt về độc hại với động vật: lưu ý đặc biệt ảnh hưởng mãn tính với con người có thể gây nguy hại theo tài liệu với động vật.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Thành phần			
Thành phần 2 (nếu có)			
Thành phần 3 (nếu có)			
Thành phần 4 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Độc hại với môi trường.
- BOD5 and COD: Không có thông tin.
- Sản phẩm của sự phân hủy hữu cơ: Có thể các độc hại của các sản phẩm phân hủy trong thời gian ngắn không chắc chắn lắm. Tuy nhiên các sản phẩm phân hủy trong thời gian dài có thể xảy ra.
- Tính độc hại của các sản phẩm phân hủy: Các sản phẩm phân hủy của nó không độc hơn chính bản thân của sản phẩm.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp): Chất thải được thải bỏ phù hợp với các quy định về kiểm soát môi trường của địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải : không có thông tin

3. Biện pháp tiêu hủy: không có thông tin.

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP						KHÔNG CÓ THÔNG TIN

ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA ...	



XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

<p>1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)</p> <p>2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký</p> <p>3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ.</p> <p>4. Các quy định khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân loại rủi ro: <ul style="list-style-type: none"> Rủi ro sức khỏe: 3 Rủi ro cháy nổ: 0 Khả năng phản ứng: 1 Bảo vệ con người: E - Thiết bị bảo vệ: Găng tay, áo choàng, khẩu trang, kính mắt, ủng chân.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 11-07-2014
Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 09-03-2016
Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn
<p>Lưu ý người đọc:</p> <p>Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.</p> <p>Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.</p>

CÔNG TY TNHH TM DV KHÁNH AN SÀI GÒN
Giám đốc



Lê Hoàng Mi Sa

